

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘC HÓA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-11-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Minh Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Quốc Trường

2. Ông Võ Ngọc Bột

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi T T N, sinh năm 1979; Địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lê H C, sinh năm 1969; Địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà N có mặt, ông C vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Bùi T T N trình bày:* Bà N và ông C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mộc Hóa vào ngày 21/11/2007. Trong quá trình chung sống, bà N và ông C có 01 con chung tên Lê Q A, sinh ngày 27/01/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khoảng thời gian 13 năm chung sống, bà N và ông C bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà N phát hiện ông C ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của bị đơn ông Lê H C*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê H C vắng mặt.

Theo bản tự khai được nộp sau khi bà N nộp đơn khởi kiện và trước khi Tòa án thụ lý vụ án, ông C trình bày: Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và con chung thống nhất như bà N trình bày. Trong quá trình chung sống, ông C và bà N có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà N hiểu lầm ông C ngoại tình nhưng thực tế ông C không có, ngoài ra ông C biết được bà N ngoại tình với người khác, vì bức xúc nên ông C thường xuyên cãi nhau với bà N nhưng ông C vẫn còn yêu thương bà N. Qua yêu cầu khởi kiện của bà N thì ông C có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông C không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hiện nay đang sống chung với ông C và bà N. Ông C không thể hiện ý kiến, yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Bùi T T N và ông Lê H C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 21/11/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Bùi T T N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê H C cư trú tại xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê H C: Xét thấy ông Lê H C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lê H C.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa, bà N xác định không còn tình cảm với ông C, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và cương quyết yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, bà N và ông C trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn không thống nhất và không ai cung cấp chứng cứ chứng minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên các đương sự đã thống nhất mâu thuẫn giữa bà N và ông C là có thật và hai bên thường xuyên cãi nhau. Mặc khác, ông C đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông C cho rằng còn yêu thương bà N nhưng Tòa án triệu tập để tham gia phiên hòa giải thì ông C vắng mặt nên có đủ căn cứ xác định ông C không thực sự không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn đoàn tụ với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông C đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà N và ông C có 01 con chung tên Lê Q A, sinh ngày 27/01/2004, hiện tại con chung đang sống cùng bà N và ông C. Tại phiên tòa, bà N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung. Căn cứ theo văn bản thể hiện ý kiến, con chung Lê Q A có nguyện vọng sống với mẹ, do đó căn cứ theo nguyện vọng của con chung, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung nên cần giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Mặc khác, ông C đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến và yêu cầu tranh chấp nuôi con chung. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho bà N nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Bùi T T N không yêu cầu ông Lê H C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi T T N và ông Lê H C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi T T N phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Ông Lê H C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi T T N đối với ông Lê H C.**

- Về hôn nhân: Cho bà Bùi T T N ly hôn ông Lê H C.

- Về con chung: Giao con chung Lê Q A, sinh ngày 27/01/2004 cho bà Bùi T T N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê H C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

**2. Về án phí:** Bà Bùi T T N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000074 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

**3. Về quyền kháng cáo:** Bà Bùi T T N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê H C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

**4. Về việc thi hành án:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- **UBND xã T, huyện Mộc Hóa;**
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Minh Trọng**